TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 17 - 10 - 2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Phấn;

Ông Vũ Xuân Thùy.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Bà Khổng Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2019/TLST – HNGĐ, ngày 22/8/2019 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **7**7/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Đức T, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; "có mặt".

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1967; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, xã X huyện X, tỉnh Nam Định; hiện ở: Xóm 4, H, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi ông đến với bà Phạm Thị H ông đã đã có vợ và vợ đã chết. Sau đó ông đi tìm hiểu bà Phạm Thị H, hai người tự nguyện đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định cấp đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2011. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hay xảy

ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, mặt khác do tuổi tác nên sự suy nghĩ của hai người cũng khác nhau. Từ tháng 11 năm 2018 bà Hồng đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, ông đã điện thoại liên lạc động viên bà Hồng quay về nhưng bà H không về và từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự tan vỡ, không còn hạnh phúc nên nguyện vọng của ông là được xin ly hôn bà Phạm Thị H.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 8 năm 2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về việc kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng như ông T trình bày là đúng. Vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 đến nay. Bà xác định vợ chồng vẫn còn hạnh phúc, chưa đến mức tan vỡ, mong ông T suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ nên bà không nhất trí ly hôn. Nhưng nay tại phiên tòa bà H xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể níu kéo được hạnh phúc nên nhất trí ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã X: Ông Trần Đức Tvà bà Phạm Thị H có hộ khẩu thường trú tại xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định có đăng ký kết theo quy định của pháp luật là đúng. Ông T và bà H mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Hơn một năm nay bà đã bỏ về xã H, huyện G, tỉnh Nam Định ở. Thực tế cuộc hôn nhân giữa ông T và bà H không hạnh phúc. Căn cứ vào thực trạng hôn nhân cũng như lời trình bày của đương sự đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Ông T và bà H chưa có con chung như đương sự trình bày là đúng. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào: Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trần Đức T và bà Phạm Thị H. Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp. Về án phí: Nguyên đơn

phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Đức T và bà Phạm Thị H là hợp pháp, được xác lập từ ngày 10/11/2011. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng không có sự chia sẻ, nay ông T xin ly hôn bà Hồng, bà H nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trần Đức T và bà Phạm Thị H là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông T và bà H chưa có con chung.

[4] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Trần Đức T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trần Đức T và bà Phạm Thị H.

2. Về án phí: Ông Trần Đức T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001607 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, ông Trần Đức T đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo:Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Ngọc Long

- Lưu văn phòng.